Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3003.42.00

Mã HS	3003.42.00
Mô tả hàng hóa	Thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm từ hai hoặc nhiều thành phần trở lên đã pha trộn với nhau dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, chưa được đóng gói theo liều lượng hoặc làm thành hình dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ / - Loại khác, chứa alkaloit hoặc các dẫn xuất của chúng: / - - Chứa pseudoephedrine (INN) hoặc muối của nó
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	07/11/2026 16:48:13
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30034200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4563
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4563
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4563
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4484
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4445
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4445
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4445
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4445
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4445
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4445
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4483
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4483
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4483
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4483

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4483
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4483
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4487
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4487
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4487
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4487
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4487
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4487
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4487
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4451
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4447
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4447
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4447
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4447
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4447
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4447
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4447
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4447
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4447
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4447
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4447
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4447
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4494
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4494
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4494
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4494

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4494
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4494
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D4491
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E4491
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F4491
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G4491
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H4491
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I4491
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D613
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E613
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4499
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4499
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4499
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4499
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4499
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4499
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4470
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4470
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4470
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4470
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4470
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4470
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4472
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4472
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4472
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4472

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4472
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4472
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4470
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4470
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4470
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4470
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4470
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4470
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4470
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4491
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4491
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4491
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4491
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4491
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4491
RCEP B	2022	2022	0	B!D4491
RCEP B	2023	2023	0	B!E4491
RCEP B	2024	2024	0	B!F4491
RCEP B	2025	2025	0	B!G4491
RCEP B	2026	2026	0	B!H4491
RCEP B	2027	2027	0	B!I4491
RCEP C	2022	2022	0	C!D4491
RCEP C	2023	2023	0	C!E4491
RCEP C	2024	2024	0	C!F4491
RCEP C	2025	2025	0	C!G4491
RCEP C	2026	2026	0	C!H4491

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4491
RCEP D	2022	2022	0	D!D4491
RCEP D	2023	2023	0	D!E4491
RCEP D	2024	2024	0	D!F4491
RCEP D	2025	2025	0	D!G4491
RCEP D	2026	2026	0	D!H4491
RCEP D	2027	2027	0	D!I4491
RCEP E	2022	2022	0	E!D4494
RCEP E	2023	2023	0	E!E4494
RCEP E	2024	2024	0	E!F4494
RCEP E	2025	2025	0	E!G4494
RCEP E	2026	2026	0	E!H4494
RCEP E	2027	2027	0	E!I4494
RCEP F	2022	2022	0	F!D4491
RCEP F	2023	2023	0	F!E4491
RCEP F	2024	2024	0	F!F4491
RCEP F	2025	2025	0	F!G4491
RCEP F	2026	2026	0	F!H4491
RCEP F	2027	2027	0	F!I4491
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4134
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4134
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4134
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4134

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3003.42.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3003.42.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4563), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.